VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 56/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn[1].

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn); việc xem xét, quyết định chuyển sang áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên (sau đây gọi là biện pháp quản lý tại gia đình).

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Nhanh chóng, công khai, khách quan, công bằng; đúng thẩm quyền, đối tượng, trình tự, thủ tục quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định này.

---

[1] Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn."

2. Không xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm; tôn trọng và bảo vệ bí mật riêng tư của người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và người chưa thành niên được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình.

Không công khai việc tổ chức, nội dung, kết quả cuộc họp tư vấn, hồ sơ và thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên.

3. Người có thẩm quyền áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chứng minh vi phạm hành chính. Cá nhân bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có quyền tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp chứng minh mình không thuộc đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

4. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong cộng đồng, nhà trường và gia đình trong việc giúp đỡ, giáo dục người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

5. Việc quyết định thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, nhân thân người vi phạm, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.

6. Chỉ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên trong trường hợp cần thiết nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với người chưa thành niên thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định này, chỉ quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn khi không đủ điều kiện áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình. Việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình không được coi là đã bị xử lý vi phạm hành chính.

7. Trong quá trình xem xét quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên, người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ.

Điều 3. Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

1. Khi quyết định thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính phải được xem xét, gồm:

a) Người vi phạm đã có hành vi ngăn chặn, làm giảm bớt hậu quả của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại;

b) Người vi phạm đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi; tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện và xử lý vi phạm;

c) Vi phạm trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra; vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng; vượt quá yêu cầu của tình thế cấp thiết;

d) Vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần;

đ) Người vi phạm là phụ nữ mang thai, người nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người già yếu, người có bệnh hoặc khuyết tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;

e) Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra;

g) Vi phạm do trình độ lạc hậu.

2. Khi quyết định thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, những tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính phải được xem xét, gồm:

a) Vi phạm có tổ chức;

b) Xúi giục, lôi kéo, sử dụng người chưa thành niên vi phạm; ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần thực hiện hành vi vi phạm;

c) Lăng mạ, phỉ báng người đang thi hành công vụ; vi phạm có tính chất côn đồ;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm;

đ) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm;

e) Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm;

g) Vi phạm đối với nhiều người, trẻ em, người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai.

Điều 4. Đối tượng, thời hiệu, thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được áp dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này để giám sát, quản lý, giáo dục họ tại nơi cư trú, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, khắc phục các nguyên nhân và điều kiện dẫn đến vi phạm pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính và thời hiệu áp dụng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính đối với các đối tượng này được xác định như sau:

a) Đối tượng là người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự, thì thời hiệu là 01 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm;

b) Đối tượng là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm;

c)[2] Đối tượng là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi, trong thời hạn 06 tháng đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà lại tiếp tục thực hiện một trong các hành vi vi phạm nêu trên đến lần thứ ba nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và đã bị lập biên bản vi phạm hành chính tại lần vi phạm

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

này, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm hành chính nêu trên;

d)[3] Đối tượng là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên có nơi cư trú ổn định, thì thời hiệu là 03 tháng, kể từ ngày đối tượng có hành vi sử dụng ma túy bị phát hiện.

Người nghiện ma túy đang tham gia chương trình cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc tham gia chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật mà bị phát hiện sử dụng trái phép chất ma túy thì cũng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng này được tiến hành đồng thời với việc cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

đ)[4] Đối tượng là người từ đủ 18 tuổi trở lên, trong thời hạn 06 tháng đã hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội mà lại tiếp tục thực hiện một trong các hành vi vi phạm nêu trên đến lần thứ ba nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và đã bị lập biên bản vi phạm hành chính đối với lần vi phạm này, thì thời hiệu là 06 tháng, kể từ ngày thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm hành chính nêu trên.

3. Không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nước ngoài.

4. Thời hạn áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ 03 tháng đến 06 tháng, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng của người vi phạm.

Điều 5. Điều kiện chuyển sang áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình

1. Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định này nếu đáp ứng các điều kiện sau đây, thì được xem xét, quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình:

a) Tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi về hành vi vi phạm của mình;

b) Có môi trường sống thuận lợi cho việc thực hiện biện pháp này;

c) Cha mẹ hoặc người giám hộ có nhân thân tốt, có điều kiện thuận lợi để quản lý, giáo dục người chưa thành niên và có bản cam kết theo quy định tại khoản 2 Điều 20 của Nghị định này.

2. Thời hạn áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình từ 03 tháng đến 06 tháng.

---

[3] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[4] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp quản lý tại gia đình

1. Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều 105 của Luật xử lý vi phạm hành chính gồm:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người vi phạm cư trú;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em đã tiếp nhận người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định đóng trụ sở.

2. Người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình quy định tại khoản 2 Điều 140 của Luật xử lý vi phạm hành chính là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người chưa thành niên cư trú.

Điều 7. Thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Cá nhân bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc 01 năm, kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không tái phạm, thì được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Điều 8. Kinh phí cho việc thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động trong quá trình áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm: Xác định tình trạng nghiện; kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ; tổ chức cuộc họp tư vấn; hỗ trợ cho người được phân công giúp đỡ người được giáo dục; chuyển giao đối tượng về nơi cư trú và đến cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em; các chi phí cho người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định trong cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em và các chi phí cần thiết khác.

2. Kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này do ngân sách địa phương bảo đảm và hỗ trợ từ nguồn kinh phí phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy, HIV/AIDS; chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em và các nguồn kinh phí khác (nếu có).

Ngân sách trung ương chi bổ sung cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách địa phương cho hoạt động này.

3. Người được phân công giúp đỡ được hưởng khoản kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục. Mức hỗ trợ một tháng tối thiểu là 25% mức lương cơ sở đối với mỗi người được giáo dục. Căn cứ vào tình hình thực tiễn ở địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thể quyết định mức hỗ trợ cao hơn.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP HỒ SƠ, XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ BIỆN PHÁP QUẢN LÝ TẠI GIA ĐÌNH

Điều 9. Đề nghị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định này do Trưởng Công an cấp xã tự lập hoặc trên cơ sở đề nghị của những người sau đây:

a) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở;

b) Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người vi phạm đang làm việc hoặc học tập;

c) Đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở gồm: Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng thôn, ấp, bản, buôn, làng, phum, sóc và các đơn vị tương đương.

2. Đề nghị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được lập thành văn bản và gửi đến Trưởng Công an cấp xã. Người đề nghị phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin trong văn bản đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nội dung của văn bản đề nghị phải ghi rõ địa danh, ngày, tháng, năm; họ, tên và tên cơ quan, tổ chức của người đề nghị; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú, nhân thân của người vi phạm; hành vi vi phạm, nơi thực hiện hành vi vi phạm, lý do đề nghị, tài liệu liên quan (nếu có); chữ ký của người đề nghị.

4.[5] Trong thời hạn tối đa là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm kiểm tra các thông tin về hành vi vi phạm và nhân thân người vi phạm; trường hợp người bị đề nghị là người chưa thành niên, thì tham khảo ý kiến của công chức văn hóa - xã hội phụ trách công tác trẻ em hoặc cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên công tác trẻ em (nếu có) về đặc điểm và hoàn cảnh gia đình của người chưa thành niên.

Trưởng Công an cấp xã không chấp nhận đề nghị lập hồ sơ nếu thấy văn bản đề nghị không đúng đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định này hoặc sự việc đang trong quá trình hòa giải hoặc đã hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở; nếu người đề nghị không đồng ý, thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Sau khi chấp nhận đề nghị lập hồ sơ, Trưởng Công an cấp xã lập hồ sơ đề nghị theo quy định tại các Điều 11, 12, 13 và 14 của Nghị định này.

5. Trường hợp người vi phạm là người chưa thành niên, nếu xét thấy đủ điều kiện áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này, Trưởng Công an cấp xã lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Nghị định này.

6. Trưởng Công an cấp xã thông báo bằng văn bản cho người đề nghị về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận lập hồ sơ.

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Điều 10. Thẩm quyền lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Trưởng Công an cấp xã nơi đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định này cư trú lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2.[6] Trưởng Công an cấp xã nơi đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định này thực hiện hành vi vi phạm pháp luật lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, sau đó chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 13 của Nghị định này.

3.[7] Cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh đang thụ lý vụ việc theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Luật xử lý vi phạm hành chính lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này, sau đó chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1a, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 13 của Nghị định này.

Điều 11. Thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Việc thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

a) Thu thập thông tin, tài liệu về hành vi vi phạm;

b) Xác định tuổi theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này;

c) Xác minh nơi cư trú theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định này;

d) Thu thập các thông tin và tài liệu khác có liên quan.

2. Đối với người nghiện ma túy, ngoài những thông tin quy định tại khoản 1 Điều này, thì phải xác định tình trạng nghiện ma túy hiện tại của họ.

Việc xác định tình trạng nghiện ma túy được thực hiện theo quy định của Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an về thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy.

3. Đối với người chưa thành niên, ngoài các thông tin, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm:

a) Thu thập thêm thông tin về hoàn cảnh gia đình, quan hệ bạn bè và hoàn cảnh dẫn đến vi phạm;

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

b) Lấy ý kiến nhận xét của nhà trường, cơ quan, tổ chức nơi người chưa thành niên đang học tập, làm việc (nếu có);

c) Lấy ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, trừ trường hợp người chưa thành niên được chuyển đến cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em.

4. Người có thẩm quyền lập hồ sơ quy định tại Điều 10 của Nghị định này có trách nhiệm thu thập các thông tin, tài liệu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này. Thông tin thu thập được phải thể hiện bằng văn bản.

Đối với trường hợp hồ sơ do Công an cấp tỉnh, Công an cấp huyện lập, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm thu thập thêm thông tin quy định tại khoản 3 Điều này.

5.[8] Công chức văn hóa - xã hội, cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên công tác trẻ em (nếu có), cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên, nhà trường, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu hoặc có ý kiến bằng văn bản theo đề nghị của cơ quan công an trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị.

Điều 12. Xác định tuổi của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Người có thẩm quyền lập hồ sơ quy định tại Điều 10 của Nghị định này xác định tuổi của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn căn cứ theo giấy khai sinh của đối tượng. Trường hợp không có giấy khai sinh hoặc không thể xác định chính xác ngày, tháng, năm sinh trong giấy khai sinh, thì căn cứ vào chứng minh nhân dân, hộ chiếu, sổ hộ khẩu hoặc các giấy tờ khác được cơ quan có thẩm quyền cấp có ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

Trường hợp không có các giấy tờ trên để xác định tuổi, thì căn cứ vào sổ hộ tịch hoặc các giấy tờ, sổ sách, tài liệu khác của cơ quan nhà nước có liên quan để xác định tuổi của đối tượng.

Trường hợp thông tin ngày, tháng, năm sinh ghi trong các giấy tờ trên không thống nhất, thì xác định theo ngày, tháng, năm sinh trong giấy tờ theo hướng có lợi nhất cho đối tượng.

2. Trường hợp giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này không ghi rõ ngày, tháng, năm sinh, thì việc xác định ngày, tháng, năm sinh được tính như sau:

a) Nếu xác định được tháng cụ thể, nhưng không xác định được ngày nào trong tháng, thì lấy ngày cuối cùng của tháng đó làm ngày sinh;

b) Nếu xác định được quý cụ thể của năm, nhưng không xác định được ngày tháng nào trong quý, thì lấy ngày cuối cùng của tháng cuối cùng trong quý đó làm ngày sinh;

---

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

c) Nếu xác định được cụ thể nửa đầu năm hay nửa cuối năm, nhưng không xác định được ngày, tháng nào trong nửa đầu năm hoặc nửa cuối năm, thì lấy ngày 30 tháng 6 hoặc ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh;

d) Nếu xác định được năm cụ thể nhưng không xác định được ngày, tháng, thì lấy ngày 31 tháng 12 của năm đó làm ngày sinh.

3. Việc xác định tuổi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thể hiện bằng văn bản.

Điều 13. Xác minh nơi cư trú và chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn[9]

1. Trong thời hạn tối đa là 07 ngày làm việc, kể từ khi thụ lý hồ sơ, người có thẩm quyền lập hồ sơ quy định tại Điều 10 của Nghị định này có trách nhiệm xác minh nơi cư trú ổn định của đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Đối với các địa bàn là vùng miền núi, hải đảo, vùng xa xôi, hẻo lánh mà việc đi lại gặp khó khăn thì thời hạn xác minh nơi cư trú có thể kéo dài hơn nhưng không được quá 10 ngày làm việc, kể từ khi thụ lý hồ sơ.

Nơi cư trú ổn định là nơi đối tượng thường trú hoặc tạm trú, nhưng phải là nơi người đó hiện đang thường xuyên sinh sống hoặc phần lớn thời gian sinh sống.

Không có nơi cư trú ổn định là trường hợp không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người vi phạm và người đó thường xuyên đi lang thang, không ở một nơi cố định hoặc trường hợp xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú của người vi phạm nhưng người đó thường xuyên đi lang thang, không ở một nơi cố định.

1a.[10] Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi xác minh được nơi cư trú và hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, đối với đối tượng có nơi cư trú ổn định tại địa phương nơi họ thực hiện hành vi vi phạm, người có thẩm quyền lập hồ sơ quy định tại Điều 10 của Nghị định này phải chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi xác minh được nơi cư trú và hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định tại địa phương nơi họ thực hiện hành vi vi phạm, thì người có thẩm quyền lập hồ sơ xử lý như sau:

a) Trưởng Công an cấp xã đã lập hồ sơ đối với đối tượng quy định tại các điểm c, d và đ khoản 2 Điều 4 của Nghị định này chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

---

[9] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

b) Cơ quan Công an cấp huyện, Công an cấp tỉnh đã lập hồ sơ đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng vi phạm cư trú ổn định để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi xác minh nơi được nơi cư trú và hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị, đối với đối tượng không có nơi cư trú ổn định là người chưa thành niên, mà không xác minh được nơi cư trú, Trưởng Công an cấp xã nơi đối tượng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, Cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh đang thụ lý vụ việc chuyển đối tượng và bản sao hồ sơ đến cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em theo Danh mục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; đồng thời, chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em đó đóng trụ sở để xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

1. Bản tóm tắt lý lịch của người vi phạm;

2. Văn bản đề nghị lập hồ sơ quy định tại Điều 9 của Nghị định này;

3. Các văn bản, tài liệu được thu thập theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này;

4. Bệnh án (nếu có);

5. Bản tường trình của người vi phạm;

6. Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 15. Xử lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn từ nơi khác gửi đến[11]

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được chuyển đến theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 13 của Nghị định này, trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng cư trú ổn định hoặc nơi cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em đóng trụ sở giao hồ sơ cho Trưởng Công an cùng cấp kiểm tra, bổ sung các thông tin, tài liệu, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này. Thời hạn kiểm tra, bổ sung các thông tin, tài liệu, lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan tối đa là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Điều 16. Gửi hồ sơ và thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1.[12] Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị hoặc sau khi kiểm tra, bổ sung hồ sơ quy định tại Điều 15 của Nghị định này, trong thời hạn 01 ngày làm

[11] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

việc, Trưởng Công an cấp xã phải gửi hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, đồng thời, thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp hoặc cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên.

2. Văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Họ, tên người vi phạm;

b) Lý do lập hồ sơ đề nghị;

c) Quyền đọc, ghi chép và sao chụp những nội dung cần thiết trong hồ sơ của người nhận được thông báo; địa điểm đọc hồ sơ; thời hạn đọc, ghi chép và sao chụp là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo;

d) Quyền phát biểu ý kiến về hồ sơ tại cuộc họp tư vấn.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao công chức tư pháp - hộ tịch kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.

Điều 17. Kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ phải bảo đảm sự phù hợp, đầy đủ theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với các vấn đề sau đây:

a) Các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị quy định tại Điều 14 của Nghị định này;

b) Đối tượng và thời hiệu áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này;

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định.

2. Văn bản kiểm tra tính pháp lý phải có chữ ký của người có thẩm quyền kiểm tra và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; được lưu trong hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Điều 18. Cuộc họp tư vấn xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức và chủ trì cuộc họp tư vấn để xem xét quyết định áp dụng biện pháp.

2. Thành viên của cuộc họp tư vấn gồm có:

a) Trưởng Công an cấp xã;

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

b) Công chức tư pháp - hộ tịch;

c) Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội cùng cấp có liên quan, đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở;

d) Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp là người chưa thành niên, ngoài những thành phần nêu trên, thì phải có công chức văn hóa - xã hội, cộng tác viên công tác xã hội hoặc cộng tác viên trẻ em (nếu có); đại diện nhà trường (nếu có); đối với người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định đang ở tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em, thì phải có đại diện của cơ sở đó;

đ) Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp là người nghiện ma túy, ngoài những thành phần nêu trên, thì phải có đại diện tổ công tác cai nghiện ma túy ở cộng đồng hoặc đại diện cơ sở điều trị nghiện;

e) Trong trường hợp cần thiết, có thể mời tổ hòa giải, cơ quan Công an nơi đã chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tham dự.

3.[13] Người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được mời tham gia cuộc họp và phát biểu ý kiến về việc áp dụng biện pháp. Cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên; người bị hại (nếu có) được mời tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp. Trường hợp cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên không tham dự được mà có lý do chính đáng, thì phải hoãn cuộc họp tư vấn. Số lần hoãn không quá 02 lần, mỗi lần hoãn không quá 03 ngày làm việc, thời gian hoãn không tính vào thời gian xem xét, ra quyết định áp dụng biện pháp này. Trường hợp cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên vẫn không thu xếp tham dự được cuộc họp trong thời gian nêu trên do không có mặt tại địa phương, điều kiện sức khỏe hoặc lý do chính đáng khác thì phải có trách nhiệm cử đại diện gia đình hoặc người thân thích khác tham dự và phát biểu tại cuộc họp.

Việc mời những người nêu trên tham gia cuộc họp phải được thể hiện bằng văn bản và phải được gửi trước khi tiến hành cuộc họp ít nhất 03 ngày làm việc. Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không tham dự được, thì có thể gửi ý kiến bằng văn bản.

3a.[14] Trường hợp người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn cố tình trốn tránh không tham dự cuộc họp tư vấn; người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn không tham dự được cuộc họp tư vấn và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản hoặc cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

---

[13] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[14] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

không thể tham dự được cuộc họp tư vấn do có lý do chính đáng, đã hoãn theo quy định tại khoản 3 Điều này thì vẫn tiếp tục tổ chức cuộc họp tư vấn.

4. Cuộc họp tư vấn chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số thành viên quy định tại khoản 2 Điều này có mặt.

5. Trình tự, nội dung của cuộc họp tư vấn:

a) Đại diện Công an cấp xã nêu vi phạm pháp luật của người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, kết quả xác minh, chứng cứ thu thập được, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng, biện pháp hòa giải, các biện pháp giúp đỡ, giáo dục đã áp dụng đối với người đó (nếu có); công chức tư pháp - hộ tịch trình bày kết quả kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ;

b) Người bị đề nghị giáo dục trình bày lý do vi phạm pháp luật, nhận thức của mình về hành vi vi phạm và kế hoạch sửa chữa khuyết điểm; đưa ra các chứng cứ có liên quan; trường hợp họ vắng mặt thì ý kiến của họ phải được đọc tại cuộc họp.

c) Cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên hoặc người đại diện hợp pháp của họ trình bày về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, lý do vi phạm, trách nhiệm quản lý, giáo dục người chưa thành niên tại gia đình;

d) Người bị hại (nếu có) phát biểu ý kiến về thiệt hại của mình;

đ) Công chức văn hóa - xã hội hoặc cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên công tác trẻ em (nếu có); đại diện nhà trường (nếu có) phát biểu ý kiến về nhân thân của người bị đề nghị giáo dục, hoàn cảnh gia đình, đề xuất biện pháp giáo dục, hỗ trợ phù hợp;

e) Các thành viên thảo luận về sự cần thiết áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng của đối tượng; các hình thức, biện pháp giáo dục; thời gian áp dụng biện pháp; lựa chọn cơ quan, tổ chức phù hợp để giao trách nhiệm quản lý, giáo dục đối tượng; khả năng áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình, các hình thức giáo dục, hỗ trợ đối với đối tượng là người chưa thành niên quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định này; hình thức cai nghiện đối với người nghiện ma túy trong trường hợp họ không tự nguyện lựa chọn và cam kết theo quy định tại điểm g khoản này;

g)[15] Tùy vào thực tiễn của địa phương, người nghiện ma túy phải lựa chọn hình thức cai nghiện tự nguyện tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc tham gia chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế theo quy định của pháp luật. Người nghiện ma túy phải cam kết về việc tự nguyện cai nghiện, điều trị nghiện.

6. Nội dung cuộc họp phải được ghi thành biên bản và lưu vào hồ sơ.

Điều 19. Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

[15] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

1. Ngay sau khi kết thúc cuộc họp tư vấn, căn cứ vào biên bản cuộc họp, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

2. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm:

a) Báo cáo tóm tắt về nội dung cuộc họp; đề xuất áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thị trấn; lý do đề xuất; các ý kiến khác nhau của thành viên cuộc họp tư vấn (nếu có).

Trường hợp đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, ngoài những nội dung nêu trên, báo cáo tóm tắt phải đề xuất thời hạn áp dụng, cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục đối tượng;

b) Tài liệu kèm theo gồm: Hồ sơ đề nghị áp dụng quy định tại Điều 14 của Nghị định này, biên bản cuộc họp tư vấn và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

3. Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định này.

Điều 20. Đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình

1. Biện pháp quản lý tại gia đình được xem xét áp dụng trong các giai đoạn sau đây:

a) Xem xét đề nghị lập hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều 9 của Nghị định này;

b) Thu thập thông tin, tài liệu để lập hồ sơ quy định tại Điều 11 và kiểm tra hồ sơ từ nơi khác gửi đến quy định tại Điều 15 của Nghị định này;

c) Sau khi kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại Điều 18 của Nghị định này.

2. Trưởng Công an cấp xã yêu cầu cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên làm bản cam kết gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Bảo đảm về chỗ ở để người chưa thành niên sống cùng cha mẹ hoặc người giám hộ;

b) Động viên, khuyến khích, tạo điều kiện để người chưa thành niên tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

c) Phối hợp chặt chẽ với tổ chức, cá nhân được phân công giám sát để quản lý, giáo dục người chưa thành niên;

d) Báo cáo theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình quản lý người chưa thành niên;

đ) Thực hiện tốt việc quản lý, giáo dục để người chưa thành niên không vi phạm pháp luật.

3. Trưởng Công an cấp xã trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị của Trưởng Công an cấp xã, trong đó nêu rõ họ, tên người vi phạm; ngày, tháng, năm sinh; nơi cư trú; hành vi vi phạm; lý do đề nghị

áp dụng; dự kiến thời hạn áp dụng và tên tổ chức, cá nhân phối hợp cùng gia đình trong việc giám sát người chưa thành niên;

b) Bản tóm tắt lý lịch của người vi phạm;

c) Các văn bản, tài liệu được thu thập để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 11 của Nghị định này;

d) Bản tường trình của người vi phạm;

đ) Văn bản cam kết của cha mẹ hoặc người giám hộ.

Điều 21. Ra quyết định quản lý tại gia đình và quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Trưởng Công an cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không đồng ý với đề nghị của Trưởng Công an cùng cấp trong giai đoạn lập hồ sơ quy định tại Điểm a và điểm b khoản 1 Điều 20 của Nghị định này, thì chuyển lại để lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; trường hợp không đồng ý với việc đề nghị sau khi kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Nghị định này, thì ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp tư vấn quy định tại Điều 18 của Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra một trong các quyết định sau đây:

a) Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b) Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

c) Quyết định quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên.

Điều 22. Quyết định và thời hiệu thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

c) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người được giáo dục;

d) Hành vi vi phạm pháp luật; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

đ) Tên và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục.

Trường hợp đối tượng được giáo dục là người chưa thành niên, thì phải ghi rõ cha mẹ hoặc người giám hộ có trách nhiệm phối hợp quản lý.

Trường hợp đối tượng được giáo dục là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định, thì phải ghi rõ giao cho cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em để quản lý, giáo dục.

Trường hợp đối tượng được giáo dục là người nghiện ma túy, thì phải ghi rõ hình thức cai nghiện, điều trị nghiện; cá nhân, tổ chức có trách nhiệm hỗ trợ,

giúp đỡ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong việc quản lý, giúp đỡ người nghiện;

e) Thời hạn áp dụng biện pháp; ngày thi hành quyết định;

g) Quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2.[16] Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc, kể từ ngày có hiệu lực, quyết định được gửi cho người được giáo dục, gia đình người được giáo dục, cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hết thời hiệu thi hành sau 06 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 108 Luật xử lý vi phạm hành chính. Trong trường hợp người phải chấp hành quyết định cố tình trốn tránh việc thi hành thì thời hiệu thi hành được tính kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt.

Điều 23. Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

b) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

c) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người bị đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

d) Hành vi vi phạm pháp luật của người đó; điều, khoản của văn bản pháp luật được áp dụng;

đ) Lý do không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Quyết định không áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có hiệu lực, quyết định được gửi cho người không bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và gửi cho cá nhân, tổ chức có liên quan.

Đối với người chưa thành niên đang ở tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em, quyết định được gửi đến cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em và cơ quan đã gửi hồ sơ. Người chưa thành niên đang ở cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em được tiếp tục ở lại cơ sở nếu có nguyện vọng.

Điều 24. Quyết định quản lý tại gia đình

1. Quyết định quản lý tại gia đình gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định;

---

[16] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

b) Họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

c) Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nơi cư trú của người chưa thành niên;

d) Lý do áp dụng;

đ) Họ, tên, nơi cư trú của cha mẹ hoặc người giám hộ;

e) Thời hạn áp dụng, ngày thi hành quyết định;

g) Tên tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát;

h) Trách nhiệm của người chưa thành niên nếu tiếp tục vi phạm pháp luật;

i) Quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định quản lý tại gia đình có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có hiệu lực, quyết định được gửi cho cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên và tổ chức, cá nhân phối hợp giám sát người chưa thành niên để thực hiện.

Chương III

THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN VÀ QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ TẠI GIA ĐÌNH

Mục 1

THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIÁO DỤC TẠI XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Điều 25. Phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em được giao quản lý, giáo dục phân công một người trực tiếp quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục.

Việc phân công phải được quyết định bằng văn bản, ghi rõ tên người được phân công giúp đỡ, trách nhiệm thực hiện và kinh phí được hỗ trợ. Quyết định được gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Người được phân công giúp đỡ phải là cộng tác viên công tác xã hội, cộng tác viên trẻ em, người có uy tín trong dòng họ, cộng đồng dân cư hoặc người có kinh nghiệm quản lý, giáo dục người chưa thành niên trong cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em. Những người này phải có điều kiện, năng lực và kinh nghiệm giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục.

3. Một người có thể được phân công quản lý, giáo dục, giúp đỡ nhiều người nhưng không quá 03 người cùng một lúc.

Điều 26. Kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục

1. Người được phân công giúp đỡ phải xây dựng kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục.

2. Nội dung kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ được xây dựng trên cơ sở nội dung và hình thức giáo dục quy định tại Điều 27 của Nghị định này, gồm các

biện pháp cụ thể để giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ người được giáo dục, thời gian thực hiện, việc phối hợp với gia đình và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Trường hợp người được giáo dục là người nghiện ma túy, thì nội dung kế hoạch cần thể hiện rõ việc phối hợp với gia đình người nghiện ma túy và tổ công tác cai nghiện ma túy hoặc cơ sở điều trị nghiện trong việc thực hiện kế hoạch cai nghiện.

Trường hợp người chưa thành niên ở tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em, nội dung kế hoạch cần thể hiện rõ việc phối hợp với các cơ quan, tổ chức xã hội liên quan tại địa phương. Cơ quan, tổ chức xã hội liên quan tại địa phương có trách nhiệm phối hợp với các cơ sở để cùng quản lý, giáo dục người được giáo dục.

Kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ phải có ý kiến của người đứng đầu tổ chức được giao giáo dục.

3. Trường hợp người được phân công giúp đỡ không còn điều kiện giúp đỡ hoặc không hoàn thành trách nhiệm được giao, thì tổ chức được giao trách nhiệm quản lý, giáo dục phải kịp thời phân công người khác thay thế và phải thông báo bằng văn bản đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 27. Nội dung và hình thức giáo dục

1. Việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân, các quy định của pháp luật liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của người được giáo dục.

Đối với người nghiện ma túy, cần phổ biến pháp luật về phòng, chống ma túy; về tác hại của việc tiêm chích, sử dụng ma túy đối với sức khỏe, gia đình và cộng đồng, phòng tránh HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua tiêm chích ma túy; về chương trình cai nghiện và điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;

b) Giáo dục về kỹ năng sống, hướng nghiệp, dạy nghề cho người được giáo dục;

c) Giáo dục về truyền thống tốt đẹp của đất nước, quê hương.

2. Việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn có thể được thực hiện bằng các hình thức cơ bản sau đây:

a) Gặp gỡ trực tiếp gia đình, người được giáo dục;

b) Giới thiệu tham gia các lớp học về kỹ năng sống, các lớp hướng nghiệp, dạy nghề, tìm việc làm;

c) Thông báo bằng văn bản về gia đình, người được giáo dục về các biện pháp quản lý, giáo dục;

d) Tổ chức cuộc họp góp ý tại địa bàn dân cư ở cơ sở. Trường hợp người được giáo dục là người chưa thành niên thì không tổ chức cuộc họp góp ý.

Điều 28. Cam kết của người được giáo dục

1. Người được giáo dục gửi bản cam kết về việc chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn cho cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục và phải nghiêm chỉnh thực hiện cam kết của mình.

2. Nội dung cam kết gồm:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nghiêm túc sửa chữa sai phạm;

b) Thực hiện tốt nghĩa vụ học tập, tu dưỡng, rèn luyện;

c) Tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề phù hợp;

d) Tham gia lao động với hình thức phù hợp;

đ) Tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

e) Đối với người nghiện ma túy, phải có nội dung cam kết tham gia chương trình cai nghiện ma túy đã đăng ký.

3. Cam kết của người chưa thành niên phải có ý kiến của cha mẹ hoặc người giám hộ.

Điều 29. Tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức và người được phân công giúp đỡ có trách nhiệm phối hợp với đơn vị dân cư cơ sở và gia đình trong việc theo dõi, quản lý, giám sát và phát hiện, ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật của người được giáo dục.

2. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ đối với người được giáo dục là người chưa thành niên được thực hiện như sau:

a) Đối với người được giáo dục là người chưa thành niên đang học tập tại nhà trường, cơ sở giáo dục, người được phân công giúp đỡ và nhà trường cùng có trách nhiệm phối hợp với gia đình người chưa thành niên động viên, giúp đỡ họ học tập, rèn luyện;

b) Người chưa thành niên ở tại cơ sở bảo trợ xã hội hoặc cơ sở trợ giúp trẻ em được tạo điều kiện tiếp tục tham gia các chương trình học tập phù hợp với lứa tuổi; các lớp học về kỹ năng sống, các lớp hướng nghiệp, dạy nghề tại cộng đồng.

3. Đối với người được giáo dục là người nghiện ma túy, người được phân công giúp đỡ có trách nhiệm phối hợp với gia đình người nghiện ma túy, tổ công tác cai nghiện ma túy tại cộng đồng, cơ sở điều trị nghiện, đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tạo điều kiện để người nghiện ma túy tham gia các hoạt động điều trị nghiện, cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng.

4.[17] Trừ trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này, trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu người được giáo dục không tiến bộ, vi phạm cam kết và đã được người được phân công giúp đỡ nhắc nhở nhiều lần mà vẫn không chịu sửa chữa, thì tổ chức được giao quản lý, giáo dục báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cuộc họp tại cơ sở để góp ý đối với người được giáo dục. Thành viên, nội dung cuộc họp gồm:

---

[17] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

a) Thành viên cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng Công an cấp xã; công chức tư pháp - hộ tịch; người được phân công giúp đỡ và đại diện của cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục; đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã và đại diện đơn vị dân cư ở cơ sở. Người được giáo dục, gia đình của người được giáo dục phải được mời tham dự cuộc họp. Trường hợp người được giáo dục không thể tham dự được mà có lý do chính đáng thì phải hoãn cuộc họp. Số lần hoãn không quá 02 lần, mỗi lần hoãn không quá 03 ngày làm việc.

Trường hợp người được giáo dục không thể tham dự được cuộc họp góp ý mà có lý do chính đáng, đã hoãn 02 lần hoặc cố tình trốn tránh không tham dự thì vẫn tiếp tục tổ chức cuộc họp góp ý.

Trường hợp người được giáo dục là người nghiện ma túy, ngoài những thành phần nêu trên còn phải có công chức văn hóa - xã hội, đại diện tổ công tác cai nghiện ma túy hoặc cơ sở điều trị nghiện.

b) Nội dung cuộc họp:

Người được phân công giúp đỡ báo cáo về quá trình quản lý, giáo dục và các vi phạm của người được giáo dục trong thời gian quản lý và đề xuất bổ sung, thay đổi biện pháp quản lý, giáo dục, giúp đỡ phù hợp. Người được giáo dục trình bày nguyên nhân vi phạm cam kết và phương hướng khắc phục, đề xuất giúp đỡ nếu cần thiết. Trên cơ sở báo cáo của người được phân công giúp đỡ và trình bày của người được giáo dục, các thành viên tham gia cuộc họp phân tích, góp ý về những sai phạm của người được giáo dục, giúp đỡ người đó sửa chữa để tiến bộ; thảo luận và đưa ra biện pháp giáo dục đối với đối tượng.

...[18]...

Cuộc họp phải được lập thành biên bản và gửi cho người được giáo dục và gia đình của họ.

4a.[19] Trường hợp người được giáo dục sau khi đã chấp hành ít nhất 1/2 thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không tiến bộ, tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thì bị xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 35a của Nghị định này.

5. Người được phân công giúp đỡ ghi sổ theo dõi sự tiến bộ của người được giáo dục để báo cáo tổ chức được giao quản lý, giáo dục.

Định kỳ hàng tháng, tổ chức được giao quản lý, giáo dục có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ban hành quyết định về kết quả giám sát, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục.

---

[18] Đoạn "*Đối với người nghiện ma túy, nếu vi phạm cam kết tự nguyện điều trị nghiện, cai nghiện, thì đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương*" được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[19] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của người được phân công giúp đỡ

1. Người được phân công giúp đỡ có các quyền sau đây:

a) Gặp gỡ người được giáo dục, cha mẹ hoặc người giám hộ của người chưa thành niên và những người có liên quan để động viên, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, khó khăn của người được giáo dục để tìm biện pháp giúp đỡ;

b) Yêu cầu người được giáo dục báo cáo về tình hình học tập, lao động, rèn luyện, sửa chữa sai phạm;

c) Đề xuất với tổ chức được giao quản lý, giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện thuận lợi để quản lý, giáo dục người được giáo dục;

d) Đề nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tạo điều kiện cho người được giáo dục tham gia học tập, tìm kiếm việc làm, ổn định cuộc sống;

đ) Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục;

e) Hưởng kinh phí hỗ trợ cho việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ đối tượng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Nghị định này.

2. Người được phân công giúp đỡ có các nghĩa vụ sau đây:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục;

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức hữu quan khác và gia đình của người được giáo dục trong việc quản lý, giáo dục đối tượng và giúp đỡ họ trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với người được giáo dục là người chưa thành niên, người được phân công giúp đỡ phải phối hợp chặt chẽ với gia đình, nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoặc Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh để người chưa thành niên tham gia sinh hoạt câu lạc bộ, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lao động, thể dục thể thao và các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh khác;

c) Giúp đỡ, động viên người được giáo dục, đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện cho họ tham gia học tập, tìm kiếm việc làm;

d) Hỗ trợ, giới thiệu người được giáo dục tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương; hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định;

đ) Hướng dẫn thực hiện quyền, nghĩa vụ của người được giáo dục;

e) Ghi sổ theo dõi và định kỳ hàng tháng báo cáo tổ chức được giao quản lý, giáo dục; báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

g) Trường hợp người được giáo dục có tiến bộ rõ rệt, thì làm văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc xác nhận đơn đề nghị miễn của người được giáo dục theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Nghị định này.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của người được giáo dục

1. Trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người được giáo dục có các quyền sau đây:

a) Được lao động, học tập, sinh hoạt tại nơi cư trú, được hướng dẫn thực hiện thủ tục khai báo tạm vắng, đăng ký thường trú, tạm trú;

b) Được tạo điều kiện tìm việc làm; được xem xét hỗ trợ cho vay vốn từ các ngân hàng chính sách xã hội, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện, nhân đạo ở địa phương trong trường hợp là người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

c) Được tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

d) Được đề đạt nguyện vọng, kiến nghị của mình đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng Công an cấp xã, tổ chức xã hội, nhà trường và người được phân công giúp đỡ;

đ) Được vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Nghị định này;

e) Có quyền khiếu nại, khởi kiện quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn và các hành vi vi phạm trong quá trình thi hành quyết định.

2. Trong thời gian chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người được giáo dục có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia lao động, học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, nội quy, quy định của địa phương nơi cư trú;

b) Chịu sự quản lý, giáo dục của cơ quan và tổ chức xã hội và người được phân công giúp đỡ; người chưa thành niên còn phải chịu sự quản lý, giáo dục, giám sát của gia đình và nhà trường;

c) Thực hiện nghiêm chỉnh nội dung đã cam kết;

d) Phải có mặt khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu;

đ) Hàng tháng phải báo cáo bằng văn bản với người được phân công giúp đỡ về tình hình học tập, lao động, rèn luyện, tu dưỡng, kết quả sửa chữa sai phạm và sự tiến bộ của mình.

Điều 32. Trách nhiệm của cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em

1. Tiếp nhận người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ xem xét, quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; tiếp nhận người chưa thành niên không bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 3 Điều 23 của Nghị định này hoặc đã chấp hành xong biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn có nguyện vọng ở lại cơ sở.

2. Cử đại diện tham gia cuộc họp tư vấn.

3. Phân công cán bộ trực tiếp giúp đỡ người chưa thành niên.

4. Tạo điều kiện cho người chưa thành niên được đi học, tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề, các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương.

5. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại cộng đồng trong việc quản lý, giáo dục người chưa thành niên.

6. Tổ chức quản lý người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định phù hợp với tình hình thực tiễn của cơ sở.

Điều 33. Việc đi lại, vắng mặt của người được giáo dục tại nơi cư trú

1. Người được giáo dục có thể được vắng mặt tại nơi cư trú, nếu có lý do chính đáng và phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời hạn áp dụng biện pháp này và phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú dưới 15 ngày, thì phải thông báo với người được phân công giúp đỡ về lý do, thời gian vắng mặt tại nơi cư trú và nơi đến tạm trú.

Người được phân công giúp đỡ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giáo dục cư trú về việc người được giáo dục vắng mặt tại nơi cư trú;

b) Trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú từ 15 ngày đến 30 ngày, người được giáo dục hoặc cha mẹ hoặc người giám hộ của người được giáo dục là người dưới 16 tuổi phải làm đơn xin phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó ghi rõ lý do, thời gian vắng mặt, nơi đến tạm trú. Người được phân công giúp đỡ phải có ý kiến trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày, kể từ ngày nhận được đơn.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định ngay sau khi nhận được đơn; trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do.

2. Thời gian người được giáo dục vắng mặt tại nơi cư trú mà không báo cáo hoặc không được sự đồng ý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã không được tính vào thời hạn chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Điều 34. Việc thay đổi nơi cư trú của người được giáo dục

1. Trường hợp người được giáo dục thay đổi nơi đăng ký thường trú, đi học tập, có việc làm ổn định hoặc theo gia đình chuyển đến địa phương khác hoặc có các lý do tương tự, thì người được giáo dục hoặc cha mẹ hoặc người giám hộ của người được giáo dục là người dưới 16 tuổi phải làm đơn xin phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, trong đó ghi rõ lý do, nơi đến thường trú hoặc tạm trú. Đơn đề nghị phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản; trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do.

2. Trong thời gian người chưa thành niên chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường thị trấn tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em, nếu xác minh được nơi cư trú của họ, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em đóng trụ sở xem xét, quyết định việc chuyển đối tượng về nơi cư trú.

3. Khi người được giáo dục thay đổi nơi cư trú theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được chuyển đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giáo dục đến cư trú. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được giáo dục đến cư trú có trách nhiệm tiếp nhận và phân công cơ quan, tổ chức quản lý, giáo dục.

4. Khi thay đổi nơi cư trú, người được giáo dục phải thực hiện quy định của pháp luật về cư trú.

Điều 35. Truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước hoặc trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn[20]

1. Trường hợp phát hiện người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đã thực hiện hành vi phạm tội trước hoặc trong thời gian chấp hành quyết định, theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đang thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đối với người đó và chuyển hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.

2. Trường hợp có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc được Tòa án tuyên không phạm tội thì người đó phải tiếp tục chấp hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà mình đã ban hành.

3. Trường hợp người đó bị Tòa án xử phạt tù thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

4. Trường hợp bị Tòa án xử phạt không phải là hình phạt tù, thì người đó có thể phải tiếp tục chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Điều 35a. Xử lý trường hợp người đang trong thời gian chấp hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm[21]

Người được giáo dục sau khi đã chấp hành ít nhất 1/2 thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà không tiến bộ, tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm thuộc trường hợp bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn xử lý như sau:

---

[20] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[21] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

1. Nếu hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

2. Nếu hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 36. Miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn

1. Người được giáo dục đã chấp hành một nửa thời gian giáo dục tại xã, phường, thị trấn, nếu có tiến bộ rõ rệt, thì làm đơn đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định.

Đơn đề nghị phải ghi rõ họ, tên, ngày, tháng, năm sinh, nghề nghiệp, thời hạn giáo dục, thời gian đã chấp hành quyết định và phải có xác nhận của người được phân công giúp đỡ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của người được giáo dục hoặc văn bản đề nghị của người được phân công giúp đỡ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét ra quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trường hợp không đồng ý, thì phải nêu rõ lý do.

3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và phải được gửi đến người có đơn đề nghị; cơ quan, tổ chức được giao quản lý, giáo dục; người được phân công giúp đỡ.

Điều 37. Hết thời hạn chấp hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn[22]

Trong thời hạn tối đa là 02 ngày làm việc, kể từ ngày người được giáo dục chấp hành xong quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn cho người được giáo dục, lưu hồ sơ, đồng thời gửi bản sao hợp lệ cho tổ chức được giao quản lý, giáo dục và gia đình người được giáo dục biết.

...[23]...

Điều 38. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn

---

[22] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[23] Đoạn "*Trường hợp người nghiện ma túy đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn đang tham gia chương trình điều trị nghiện, cai nghiện ma túy, thì tiếp tục thực hiện các chương trình này và không bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*" được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

1. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, gồm các tài liệu sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 2 Điều 19 của Nghị định này;

b) Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị định này;

c) Quyết định phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục quy định tại khoản 1 Điều 25 của Nghị định này;

d) Kế hoạch quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị định này;

đ) Bản cam kết về việc chấp hành quyết định của người được giáo dục quy định tại Điều 28 của Nghị định này;

e) Biên bản cuộc họp góp ý đối với người giáo dục quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Nghị định này (nếu có);

g) Sổ theo dõi sự tiến bộ của người được giáo dục và báo cáo kết quả giám sát, giáo dục, giúp đỡ của người được phân công giúp đỡ quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị định này;

h) Báo cáo hàng tháng của người được giáo dục về tình hình học tập, lao động, rèn luyện, tu dưỡng, kết quả sửa chữa sai phạm và sự tiến bộ của mình quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 31 của Nghị định này;

i) Các tài liệu về việc vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú của người được giáo dục quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Nghị định này (nếu có);

k) Quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại của quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 36 của Nghị định này (nếu có);

k1)[24] Quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều 35 của Nghị định này (nếu có);

k2)[25] Quyết định hủy quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 2 Điều 35 của Nghị định này (nếu có);

k3)[26] Quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 3 Điều 35 và Điều 35a của Nghị định này (nếu có);

l) Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 37 của Nghị định này;

---

[24] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[25] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

[26] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

m) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn được quản lý tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Mục 2
THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ TẠI GIA ĐÌNH

Điều 39. Thực hiện quản lý, giám sát người chưa thành niên

1. Gia đình người chưa thành niên có trách nhiệm sau đây:

a) Quản lý, giám sát người chưa thành niên;

b) Quan tâm, tạo điều kiện cho người chưa thành niên được đi học, tham gia các chương trình học tập, dạy nghề khác, các chương trình thẩm vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

c) Định kỳ hàng tháng báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình quản lý, giám sát người chưa thành niên;

d) Phối hợp với tổ chức, cá nhân được phân công phối hợp giám sát thực hiện kế hoạch giám sát người chưa thành niên.

2. Tổ chức được phân công phối hợp giám sát có trách nhiệm phân công người trực tiếp phối hợp với gia đình để quản lý, giám sát người chưa thành niên.

3. Cá nhân được tổ chức phân công, cá nhân được Chủ tịch Ủy ban nhân dân giao trách nhiệm phối hợp giám sát phải phối hợp cùng với gia đình người chưa thành niên thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng và thực hiện kế hoạch để giám sát người chưa thành niên. Kế hoạch phối hợp giám sát gồm các biện pháp hướng dẫn, hỗ trợ giám sát cụ thể, thời hạn thực hiện và phải được gửi cho tổ chức được phân công phối hợp giám sát và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Giới thiệu tham gia các chương trình học tập, hướng nghiệp, dạy nghề, tìm việc làm; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng được tổ chức tại địa phương;

c) Giúp đỡ, động viên người chưa thành niên sửa chữa sai phạm.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của người chưa thành niên được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình

1. Người chưa thành niên được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình có các quyền sau đây:

a) Không bị phân biệt đối xử; được lao động, học tập, sinh hoạt tại nơi cư trú;

b) Được tham gia các chương trình học tập hoặc dạy nghề; các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống phù hợp được tổ chức tại địa phương;

c) Được các cơ sở giáo dục xem xét, tiếp nhận học tập;

d) Khiếu nại, khởi kiện quyết định quản lý tại gia đình và các hành vi vi phạm trong quá trình thi hành quyết định.

2. Người được áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình có nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Tham gia lao động, học tập, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, nội quy, quy định của địa phương nơi cư trú;

c) Chịu sự quản lý, giám sát của gia đình và người được phân công phối hợp giám sát.

Điều 41. Chấm dứt việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình trong thời gian áp dụng biện pháp

Trong quá trình thi hành quyết định quản lý tại gia đình, nếu người chưa thành niên tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đã ra quyết định xử lý như sau:

1. Nếu hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 của Nghị định này, thì chấm dứt việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình và ra quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Nếu hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì ra quyết định chấm dứt việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình

1. Hồ sơ về việc áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình phải được đánh bút lục và được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, gồm các tài liệu sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định này;

b) Quyết định quản lý tại gia đình quy định tại Điều 24 của Nghị định này;

c) Quyết định chấm dứt áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình (nếu có);

d) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Hồ sơ áp dụng biện pháp quản lý tại gia đình được quản lý tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã ra quyết định.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 43. Trách nhiệm của các Bộ có liên quan

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b) Sơ kết, tổng kết tình hình thi hành pháp luật về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

c) Hướng dẫn áp dụng pháp luật về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo yêu cầu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, địa phương;

d) Hướng dẫn công tác phổ biến pháp luật về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ trong việc thực hiện pháp luật về biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn Công an cấp xã, công chức văn hóa - xã hội, các cơ quan tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

b) Báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định;

c) Xây dựng tài liệu hướng dẫn áp dụng pháp luật về thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

d) Hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3.[27] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xây dựng quy hoạch mạng lưới các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em; hướng dẫn các cơ sở thực hiện quản lý đối tượng bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em; hướng dẫn kỹ năng cho đội ngũ nhân viên công tác xã hội ở cơ sở và hướng dẫn việc tổ chức thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người nghiện ma túy.

4. Bộ Y tế có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục và quy trình xác định tình trạng nghiện ma túy của người nghiện ma túy quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định này; chỉ đạo hướng dẫn thực hiện xác định tình trạng nghiện.

5. Bộ Nội vụ có trách nhiệm bảo đảm nguồn nhân lực cho việc triển khai thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp quản lý tại gia đình.

6. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn nội dung chi, mức chi cụ thể cho các khoản chi quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định này.

Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Báo cáo về công tác thi hành pháp luật về áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp quản lý tại gia đình;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng dự toán kinh phí cho việc triển khai thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp quản lý tại gia đình;

c) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện thi hành các quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn và quản lý tại gia đình;

---

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

d) Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức xã hội tại địa phương phối hợp thực hiện các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, quản lý, giáo dục người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường, thị trấn và biện pháp quản lý tại gia đình nhằm giúp các đối tượng hòa nhập cộng đồng;

đ) Kiểm tra, thanh tra việc thi hành các quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn và quản lý tại gia đình ở địa phương.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Trình dự toán kinh phí hàng năm, xây dựng mức hỗ trợ người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định;

b) Rà soát, xây dựng cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn để bảo đảm thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định;

c) Quyết định Danh mục các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ tiếp nhận người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm;

a) Tổ chức triển khai thực hiện áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn;

b) Huy động những người có điều kiện, năng lực và kinh nghiệm tham gia quản lý, giáo dục, giúp đỡ người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương;

c) Chỉ đạo tổ chức các chương trình học nghề, tìm việc làm, vay vốn, sản xuất, kinh doanh, chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống, các dịch vụ y tế, xã hội, phòng, chống tái nghiện ma túy trên địa bàn để tạo điều kiện cho người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, biện pháp quản lý tại gia đình được tham gia;

d) Lập dự toán kinh phí cho việc thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn để trình cấp có thẩm quyền quyết định;

đ) Kiểm tra việc thi hành các quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn và quản lý tại gia đình ở địa phương.

Điều 45. Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm

1. Phân công cán bộ, chiến sĩ hoặc Công an viên phối hợp với tổ chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công quản lý, giáo dục người được giáo dục trong việc quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được giáo dục.

2. Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp theo dõi việc thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Thực hiện việc quản lý hồ sơ của người được giáo dục theo chế độ quản lý hồ sơ của Bộ Công an.

Điều 46. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên ở cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên ở cấp xã phối hợp trong việc triển khai thực hiện biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn và biện pháp quản lý tại gia đình, cụ thể như sau:

1. Phân công người trực tiếp giúp đỡ người được giáo dục khi được yêu cầu và giám sát việc thực hiện.

2. Tạo điều kiện để người được phân công giúp đỡ thuộc tổ chức mình hoàn thành nhiệm vụ.

3. Giúp đỡ và tạo điều kiện cho người bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; biện pháp quản lý tại gia đình được tham gia các chương trình tham vấn, phát triển kỹ năng sống tại cộng đồng.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[28]

Điều 47. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2013 và thay thế Nghị định số 163/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Bãi bỏ điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội như sau:

"Điều 5. Đối tượng được tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, gồm:

2. Các đối tượng xã hội cần sự bảo vệ khẩn cấp: Trẻ em bị bỏ rơi, nạn nhân của bạo lực gia đình, nạn nhân bị xâm hại tình dục, nạn nhân bị buôn bán, nạn nhân bị cưỡng bức lao động; người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định đang trong thời gian lập hồ sơ, thi hành biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn."

---

[28] Điều 2 của Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016 quy định như sau:

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Ban hành kèm theo Nghị định này Phụ lục về các biểu mẫu để sử dụng trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; biện pháp thay thế xử lý hành chính quản lý tại gia đình đối với người chưa thành niên.

2. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2016.

3. Bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Bãi bỏ quy định về việc xem xét, quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương đối với trường hợp người nghiện ma túy vi phạm cam kết tự nguyện điều trị nghiện, cai nghiện tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP.

b) Bãi bỏ quy định về việc không lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với trường hợp người nghiện ma túy đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn đang tham gia chương trình điều trị nghiện, cai nghiện ma túy tại Điều 37 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./."

Điều 48. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ TƯ PHÁP

Số: 2800/VBHN-BTP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2016

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đinh Trung Tụng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng